

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 633/2023/DS-PT

Ngày: 31-5-2023

V/v Tranh chấp yêu cầu công
khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại do
bị oan sai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc: “Tranh chấp yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại do bị oan sai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2022/DS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1838/2023/QĐPT-DS ngày 27/4/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1938

Địa chỉ: 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chinh P, sinh năm 1964; địa chỉ: 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 09/4/2019).

-Bị đơn: Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 11 U, Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Tuyết O, sinh năm 1986 (Giấy ủy quyền ngày 15/5/2023).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Xuân K, sinh năm 1929

Người đại diện hợp pháp của ông K: Bà Trần Thị T, sinh năm 1938 (là người giám hộ theo trích lục đăng ký giám hộ số: 480/TLGH-BS ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:*

+ Bà Trần Thị T là nguyên đơn.

+ Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P, bà O có mặt, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, ngày 07/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T có ông Nguyễn Chính P là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 07/6/1997, Cơ quan điều tra Công an Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án số: 251 về tội: “Hủy hoại tài sản của công dân” theo Điều 160 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Ngày 07/6/1997, Cơ quan điều tra Công an Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can số: 375 đối với bà Trần Thị T về tội: “Hủy hoại tài sản của công dân” theo Điều 160 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Ngày 07/6/1997, Cơ quan điều tra Công an Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh bắt, tạm giam bị can đối với bà T với sự phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/7/1997.

Ngày 11/7/1997, bà T bị bắt tạm giam cho đến ngày 24/10/1997.

Ngày 24/10/1997, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định hủy bỏ việc tạm giam số: 222/KSĐT đối với bà T và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 223 ngày 24/10/1997 đối với bà Trần Thị T.

Ngày 08/9/2003, Công an Quận Y ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số: 06 và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số: 14 đối với bà T. Lý do: Miễn trách nhiệm hình sự. Tất cả hoạt động tố tụng trên đều được Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phê chuẩn.

Sau đó, bà T có đơn khiếu nại Quyết định đình chỉ nêu trên. Liên ngành Trung ương đã kết luận Quyết định đình chỉ là không đúng bản chất sự việc và cần phải thay thế bằng Quyết định đình chỉ khác.

Ngày 20/10/2005, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đã ra Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ bị can số: 18/KSĐT về việc hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra bị can số: 14 ngày 08/9/2003 và Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án số: 18/KSĐT về việc hủy bỏ Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số: 06 ngày 08/9/2003 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận Y.

Ngày 21/10/2005, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số: 19/KSĐT và Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số: 19/KSĐT đối với bà Trần Thị T, lý do: “Không đủ chứng cứ chứng minh bà Trần Thị T phạm tội hủy hoại tài sản của công dân” nhưng không lập biên bản bàn giao Quyết định đình chỉ điều tra bị can theo đúng quy định nên bà T không nhận được quyết định.

Ngày 07/4/2011, bà T mới chính thức được giao Quyết định đình chỉ điều tra bị can và Quyết định đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/7/2016, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định về việc bồi thường đối với bà Trần Thị T số: 01/QĐ-VKS, theo đó Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho bà T số tiền là 344.410.000 đồng, nhưng sau đó Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã không thực hiện chi trả.

Ngày 19/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 68/QĐ -VKS hủy bỏ Quyết định bồi thường số: 01/QĐ-VKS ngày 06/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thư mời số 364/TM-VKS mời bà T đến để trao đổi về việc giải quyết bồi thường oan sai cho bà T.

Ngày 24/10/2018, bà T đến Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu phải xác minh lại thiệt hại thực tế của gia đình.

Ngày 06/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định bồi thường số: 198/QĐ-VKS về việc bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị T số tiền là 183.865.000 đồng nhưng bà T không đồng ý và khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Q.

Do đó, nay bà T khởi kiện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định tại Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Nghị định số: 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Trách nhiệm bồi

thường của Nhà nước 2017 để giải quyết vụ án, cụ thể bà T yêu cầu bồi thường như sau:

1. Bồi thường thiệt hại 08 tấm tôn thiếc do bị tịch thu trái pháp luật theo kết quả thẩm định giá là 736.000 đồng.

2. Thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng khai thác tài sản được xác định là thu nhập thực tế bị mất là tiền thuê nhà căn nhà số 53 đường số 8, Phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tính từ ngày 11/7/1997 đến ngày 21/10/2005 với giá thuê theo kết quả thẩm định giá là 24.345.000 đồng/tháng, cụ thể: 111 tháng x 24.345.000 đồng/tháng = 2.702.295.000 đồng.

Về chi phí thẩm định giá số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), nguyên đơn bà T đã tạm ứng toàn bộ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc, gia công tại 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh được tính từ ngày 07/6/1997 đến ngày 21/10/2005 theo mức lương tối thiểu vùng I tại thời điểm xét xử (Nghị định số: 90/2019/NĐ-CP của Chính phủ) và do bà T là lao động có tay nghề nên được nhân thêm 7%. Như vậy, thu nhập một tháng của bà T là: [4.420.000 đồng + (4.420.000 đồng x 7%)] x 99 tháng = 468.210.600 đồng.

4. Chi phí cấp dưỡng nuôi chồng là ông Lê Xuân K (do ông Lê Xuân K bị bại liệt từ năm 1995) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 là theo mức lương tối thiểu vùng I tại thời điểm xét xử cho quãng thời gian từ ngày 11/7/1997 đến ngày 21/10/2005, cụ thể: 4.420.000 đồng x 99 tháng = 437.508.000 đồng.

5. Chi phí thuê người bào chữa, chi phí đi lại, in ấn tài liệu:

- Chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn thư số tiền là 29.207.217 đồng.

- Chi phí đi lại, chi phí thuê người bào chữa tính từ ngày 11/7/1997 đến ngày Tòa án xét xử là: (1.490.000 đồng/tháng x 6 tháng) x 24 năm = 214.560.000 đồng.

6. Thiệt hại do tổn thất về tinh thần:

+ Thời gian không bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/1997 đến ngày 10/7/1997 là 34 ngày (1 ngày bị khởi tố là 2 ngày lương cơ sở), cụ thể:

34 ngày x 2 ngày lương x (1.490.000 đồng : 22 ngày = 67.727 đồng/ngày) = 4.605.436 đồng.

+ Thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/1997 đến ngày 24/10/1997 là 106 ngày (01 ngày giam là 05 ngày lương cơ sở):

106 ngày x 5 ngày x (1.490.000 đồng : 22 ngày = 67.727 đồng/ngày) = 35.895.310 đồng.

+ Thời gian không bị tạm giữ, tạm giam đến ngày bị truy nã, bắt giam từ ngày 25/10/1997 đến ngày 28/11/1998 là 400 ngày (01 ngày là 02 ngày lương cơ sở):

$400 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 54.181.600 \text{ đồng}.$

+ Thời gian bị truy nã bắt giam từ ngày 28/11/1998 đến ngày 06/8/2003 là 56 tháng 09 ngày = 1.689 ngày (01 ngày giam là 05 ngày lương cơ sở):

$1.689 \text{ ngày} \times 5 \text{ ngày} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 571.954.515 \text{ đồng}.$

+ Số ngày không bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2003 đến ngày 21/10/2005, Viện kiểm sát ra Quyết định đình chỉ là 26 tháng 14 ngày = 794 ngày (01 ngày là 02 ngày lương cơ sở):

$794 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 107.550.476 \text{ đồng}.$

+ Thời gian không bị tạm giữ, tạm giam cho đến khi nhận được quyết định đình chỉ bị can từ ngày 22/10/2005 đến ngày 07/4/2011 là 1.988 ngày (01 ngày là 02 ngày lương cơ sở):

$1.988 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 269.282.552 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng số tiền bà T yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân Quận Y bồi thường là 4.895.986.706 đồng (bốn tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng). Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

7. Khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại, cụ thể phải công khai xin lỗi và đăng báo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T rút lại các yêu cầu khởi kiện sau:

- Về chi phí khám chữa bệnh từ ngày 24/10/1997 đến ngày 31/10/1997 tại Bệnh viện G số tiền là 1.350.000 đồng.

- Về chi phí thuê người chăm sóc bà T từ ngày 11/7/1997 đến ngày 21/10/2005 số tiền là 437.508.000 đồng.

- Yêu cầu hủy bỏ nội dung nhận định sai về nguồn gốc đất đối với nền nhà 51 đường số 8, Phường S, Quận Y theo Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số 19/KSĐT ngày 21/10/2005 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y.

Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Viện kiểm sát nhân dân Quận Y có bà Phan Tuyết O là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quá trình thương lượng bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn và bị đơn như sau:

Ngày 06/7/2016, bà T và Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất tổng số tiền bồi thường cho bà T là 344.410.000 đồng theo biên bản thương lượng thành số: 01/TLBT ngày 06/7/2016.

Sau đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có công văn số: 1135/VKSTC-V7 ngày 04/4/2017 với nội dung căn cứ khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP - BQP - BTC- BNN & PTNN ngày 02/11/2012 (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày 02/11/2012) thì Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tính chưa đúng với quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 68/QĐ-VKS hủy bỏ Quyết định bồi thường số: 01/QĐ-VKS ngày 06/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thư mời số: 364/TM-VKS mời bà T đến để trao đổi.

Ngày 24/10/2018, bà T đến Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu phải xác minh lại thiệt hại thực tế của gia đình.

Ngày 06/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định bồi thường số: 198/QĐ-VKS về việc bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị T số tiền là 183.865.000 đồng nhưng bà T không đồng ý và khởi kiện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y tại Tòa án.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y có ý kiến như sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không đồng ý bồi thường về việc bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại 08 tấm tôn thiếc do bị tịch thu trái pháp luật theo kết quả thẩm định giá là 736.000 đồng vì theo Biên bản hỏi cung bà T ngày 20/8/1997 thì bà T khai rằng: 08 tấm tôn bằng thiếc là của căn nhà 51 đường số 8, Phường S, Quận Y, bà T kê thợ hồ gỡ ra. Mặt khác, bà T cũng không cung cấp được chứng từ chứng minh 08 tấm tôn trên là thuộc sở hữu của bà T.

2. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không đồng ý yêu cầu bồi thường của bà T về thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng khai thác tài sản được xác định là thu nhập thực tế bị mất là tiền thuê nhà số 53 đường số 8 (đường K, Phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh) số tiền là 2.702.295.000 đồng. Vì theo luật định thì thiệt hại chỉ được tính trong thời gian bà T bị tạm giữ, tạm giam là 106 ngày nếu có cơ sở chứng minh. Trong trường hợp này bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên không đồng ý.

- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không có ý kiến gì về kết quả thẩm định giá. Về chi phí thẩm định giá bà T đã tạm nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không đồng ý yêu cầu bồi thường của bà T về thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc, gia công tại 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 468.210.600 đồng.

Vì thiệt hại chỉ được tính trong thời hạn bà T bị tạm giữ, tạm giam. Sau khi bà T được tại ngoại từ ngày 25/10/1997 thì do bà T bỏ trốn không ở lại để duy trì hoạt động kinh doanh nên việc kinh doanh sa sút, không duy trì được là do lỗi của bà T.

Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đồng ý bồi thường cho bà T về thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất do bị tạm giữ, tạm giam 106 ngày số tiền là: 106 ngày x 1 ngày lương x 67.727 đồng/ngày = 7.179.062 đồng.

4. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không đồng ý yêu cầu bồi thường của bà T về chi phí cấp dưỡng nuôi chồng là ông Lê Xuân K số tiền là 437.508.000 đồng vì không có quy định về khoản bồi thường này và bà T cũng không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này nên không có cơ sở để chấp nhận.

5. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không đồng ý yêu cầu bồi thường của bà T về chi phí in ấn tài liệu, gửi đơn thư số tiền là 29.207.217 đồng và chi phí đi lại, chi phí thuê người bào chữa số tiền là 214.560.000 đồng vì yêu cầu của bà T không có căn cứ.

6. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đồng ý bồi thường như sau:

- Thời gian bà T bị khởi tố từ ngày 07/6/1997 đến ngày 10/7/1997 là 34 ngày (1 ngày bị khởi tố = 1 ngày lương tối thiểu), cụ thể:

$34 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày lương} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 2.302.718 \text{ đồng}.$

- Số ngày thực tế bà T bị tạm giữ tạm giam từ ngày 11/7/1997 đến 24/10/1997 là 106 ngày (1 ngày giam = 3 ngày lương tối thiểu), cụ thể:

$106 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày lương} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 21.537.186 \text{ đồng}.$

Số ngày bà T không bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/1997 đến ngày 21/10/2005 là ngày Viện kiểm sát nhân dân Quận Y ra quyết định đình chỉ là 2.919 ngày (1 ngày tại ngoại = 1 ngày lương tối thiểu), cụ thể:

$2.919 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày lương} \times (1.490.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} = 67.727 \text{ đồng/ngày}) = 197.695.113 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền là: 221.535.017 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đồng ý bồi thường cho bà T là: 7.179.062 đồng + 221.535.017 đồng = 228.714.079 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười bốn ngàn không trăm bảy mươi chín đồng).

7. Về việc bà T yêu cầu khôi phục danh dự, cụ thể phải công khai xin lỗi và đăng báo theo quy định của pháp luật thì căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 và Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày 02/11/2012, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đồng ý.

Đối với việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân K có bà Trần Thị T là người giám hộ trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2022/DS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phải bồi thường cho bà Trần Thị T thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút số tiền 204.874.175 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng) và thiệt hại do tổn thất về tinh thần số tiền là 221.535.017 đồng (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 426.409.192 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm lẻ chín ngàn một trăm chín mươi hai đồng). Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phải tổ chức xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của bà Trần Thị T và đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Trần Thị T.

3. Bà Trần Thị T phải chịu chi phí thẩm định giá số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 0002849 ngày 16/01/2020 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản V.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân Quận Y bồi thường chi phí khám chữa bệnh số tiền là 1.350.000 đồng, chi phí thuê người chăm sóc bà T số tiền là 437.508.000 đồng và yêu cầu hủy bỏ nội dung nhận định sai về nguồn gốc đất đối với nền nhà 51 đường số 8, Phường S, Quận Y theo Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số: 19 ngày 21/10/2005 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí.

Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phải chịu án phí là 21.056.368 đồng (hai mươi một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 27/12/2022, nguyên đơn là bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 26/12/2022, bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân Quận Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc gia công của bà T tại 95T E, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 464/QĐ-VKS –DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đối với số tiền bồi thường cho nguyên đơn do khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc gia công của bà T tại 95T E, Phường R, Quận Q và về án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Chinh P đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, lý do kháng cáo: Cấp sơ thẩm áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 để giải quyết vụ án là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cụ thể:

Ngày 21/10/2005, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y ban hành Quyết định đình chỉ vụ án hình sự số: 19/KSĐT và Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số: 19/KSĐT đối với bà Trần Thị T, bà T đã rất nhiều lần gửi đơn đến các cơ quan nhà nước và Viện kiểm sát nhân dân Quận Y để yêu cầu bồi thường do oan sai nhưng không được giải quyết. Đến ngày 17/7/2015, Viện kiểm sát nhân dân

Quận Y mới thụ lý đơn yêu cầu của bà T theo thông báo số: 210/TB-VKS. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ thụ lý có quyết định giải quyết bồi thường số: 01/QĐ - VKS ngày 06/7/2016 số tiền 344.410.000 đồng nhưng không chi trả. Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đã từ chối trách nhiệm thụ lý giải quyết bồi thường.

Ngày 19/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 68/QĐ-VKS về việc hủy bỏ Quyết định giải quyết bồi thường số: 01/QĐ - VKS của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y. Hai bên đã có biên bản thương lượng không thành số: 01 ngày 30/10/2018.

Căn cứ khoản 8 Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 có hiệu lực ngày 01/7/2018: “Trường hợp thương lượng không thành thì người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy xác nhận đơn số: 2139/GXN-TA ngày 12/11/2018; thông báo chuyển đơn khởi kiện số: 51/TB-TA ngày 01/02/2019. Như vậy, Tòa án thụ lý là cơ quan giải quyết bồi thường tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 quyền khởi kiện tại Tòa án trong trường hợp không tán thành với quyết định giải quyết bồi thường.

Như vậy, trường hợp của bà T là đã có yêu cầu nhưng chưa được thụ lý giải quyết theo khoản 2 Điều 78 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì vụ việc của bà T phải áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và Nghị định số: 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ để giải quyết vụ án mới đúng pháp luật. Do vậy, ông yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông không đồng ý vì giai đoạn tại ngoại bà T không thể kinh doanh, buôn bán nên thu nhập bị mất là đúng chứ không thể chỉ tính những ngày bị tạm giam, tạm giữ như bị đơn trình bày.

Bà Phan Tuyết O là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm chấp nhận khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc gia công của bà T tại 95T E, Phường R, Quận Q với tổng số ngày được chấp nhận là $3.025 \text{ ngày} \times 67.727 \text{ đồng/ngày} = 204.868.125 \text{ đồng}$ là chưa chính xác.

Theo quy định tại Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày

01/11/2012 quy định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút: “người bị thiệt hại kể cả trường hợp đã chết chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù”.

Theo hồ sơ vụ án cũng như lời khai nguyên đơn thì số ngày thực tế bị tạm giữ, tạm giam là 106 ngày với số tiền nguyên đơn được bồi thường theo Nghị định số: 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 là 1.490.000 đồng/tháng : 22 ngày = 67.727 đồng/ngày. Vậy tổng mức bồi thường thu nhập thực tế bị mất: 67.727 đồng x 106 ngày = 7.179.062 đồng.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, phía bị đơn không đồng ý, lý do trước đó bà T nhiều lần gửi đơn yêu cầu bồi thường nhưng không đúng biểu mẫu. Đến ngày 13/7/2015, bà T gửi đơn sửa đổi, bổ sung theo đúng mẫu quy định thì ngày 17/7/2015, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y thụ lý đơn của bà T bằng thông báo số: 210/TB-VKS nên theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì phải áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 để giải quyết vụ án của bà T theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn hoàn toàn đồng ý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Ngày 18/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 464/QĐ-VKS –DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị, cụ thể:

Về việc cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền bồi thường cho nguyên đơn đối với thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút số tiền 204.874.175 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày 02/11/2012 hướng dẫn: “Người bị thiệt hại chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn họ bị tạm giữ, tạm giam”. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất cả trong thời gian không bị tạm giữ, tạm giam (giai đoạn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và truy nã) là không đúng. Mặt khác, cấp sơ thẩm nhận định trong thời gian không bị tạm giữ,

tạm giam bà T có thể làm những công việc phổ thông khác để có thu nhập, chi tiêu cho cuộc sống nhưng thu nhập đó không ổn định như công việc chính của bà T vì bà T là chủ hộ kinh doanh may mặc, nghĩa là thu nhập chỉ bị giảm sút nhưng lại tuyên buộc bị đơn bồi thường toàn bộ thu nhập bị mất là mâu thuẫn. Do vậy, đề nghị cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận bồi thường cho bà T theo số ngày thực tế bị tạm giữ, tạm giam là 106 ngày với số tiền là: 67.727 đồng x 106 ngày = 7.179.062 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định: Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không phải chịu án phí. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải chịu án phí 21.056.368 đồng là không đúng.

Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm lý do áp dụng pháp luật nội dung không đúng. Xét, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y thụ lý đơn của bà T bằng thông báo số: 210/TB-VKS ngày 17/7/2015. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 để áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2022/DS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 27/12/2022, nguyên đơn là bà T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Ngày 26/12/2022, bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân Quận Y có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 18/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 464/QĐ-VKS –DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Trần Thị T là người đại diện hợp pháp của ông Lê Xuân K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn là bà T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm lý do cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật nội dung không đúng.

Xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nhận thấy: Viện kiểm sát nhân dân Quận Y ban hành Quyết định đình chỉ vụ án hình sự và Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số: 19/KSĐT ngày 21/10/2005 đối với bà Trần Thị T. Ngày 30/8/2012 bà T gửi đơn đến Viện kiểm sát nhân dân Quận Y và gửi đơn đến các cơ quan nhà nước để yêu cầu giải quyết bồi thường. Đến ngày 13/7/2015, bà T tiếp tục gửi đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu bồi thường đến Viện kiểm sát nhân dân Quận Y. Ngày 17/7/2015, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y ban hành Thông báo số: 210/TB-VKS về việc thụ lý đơn của bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 78 về quy định chuyển tiếp của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017: “1. Các trường hợp yêu cầu bồi thường đã được cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết hoặc đang giải quyết thì tiếp tục áp dụng quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 35/2009/QH12 để giải quyết”.

Như vậy, trong trường hợp này, bà T đã được cơ quan giải quyết bồi thường là Viện kiểm sát nhân dân Quận Y thụ lý trước thời điểm Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 có hiệu lực. Ông P đại diện bà T cho rằng Viện kiểm sát nhân dân Quận Y đã thụ lý, thương lượng bồi thường sau đó hủy bỏ quyết định bồi thường nên phải căn cứ vào Cơ quan giải quyết bồi thường là Tòa án. Năm 2018, bà T gửi đơn đến Tòa án và Tòa án thụ lý vụ án năm 2019 thì phải áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 là không có căn cứ.

Căn cứ vào quy định nêu trên, cấp sơ thẩm áp dụng Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 cũng như các quy định tại Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày 02/11/2012 để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật nội dung không đúng là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân Quận Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm cho rằng cấp sơ thẩm chấp nhận khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị

giảm sút từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc gia công của bà T tại 95T E, Phường R, Quận Q với tổng số ngày được chấp nhận là 3.025 ngày x 67.727 đồng/ngày = 204.868.125 đồng là chưa chính xác.

Xét, căn cứ vào Điều 46 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 cũng như tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT ngày 02/11/2012 quy định: “Người bị thiệt hại chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện bà T bị tạm giam, tạm giữ là 106 ngày.

Cấp sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút cả trong thời gian không bị tạm giữ, tạm giam (giai đoạn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và truy nã) là không đúng. Mặt khác, cấp sơ thẩm nhận định trong thời gian không bị tạm giữ, tạm giam bà T có thể làm những công việc phổ thông khác để có thu nhập, chi tiêu cho cuộc sống nhưng thu nhập đó không ổn định như công việc chính của bà T vì bà T là chủ hộ kinh doanh may mặc, nghĩa là thu nhập nếu có thì chỉ bị giảm sút nhưng lại tuyên buộc bị đơn bồi thường toàn bộ thu nhập bị mất là mâu thuẫn, không có căn cứ.

Do vậy, cần điều chỉnh lại khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của bà T như sau:

Căn cứ Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang là 1.490.000 đồng/tháng.

Như vậy số tiền bà T được bồi thường là: 106 ngày x 1 ngày lương x (1.490.000 đồng: 22 ngày = 67.727 đồng/ngày) = 7.179.062 đồng.

Do vậy, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.3.1] Đối với kháng nghị về khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của bà T từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng may mặc gia công của bà T tại 95T E, Phường R, Quận Q. Như đã phân tích và nhận định ở phần kháng cáo của bị đơn nên kháng nghị phần này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

[3.3.2] Đối với kháng nghị về án phí dân sự sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, theo quy định tại Điều 64 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009: “Không áp dụng án phí, lệ phí, các loại phí khác và thuế trong quá trình giải quyết bồi thường.

1. Khi thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của Nhà nước theo quy định của Luật này, người bị thiệt hại không phải nộp lệ phí, án phí và các loại phí khác.

2. Không thu thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền bồi thường mà người bị thiệt hại được nhận”.

Theo quy định tại Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017: “Án phí, lệ phí, các loại phí khác và thuế trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường

1. Cơ quan giải quyết bồi thường không thu các khoản án phí, lệ phí và các loại phí khác đối với nội dung yêu cầu bồi thường thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật này.

2. Người bị thiệt hại không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền bồi thường được nhận”.

Xét thấy, vụ án này, Tòa án nhân dân Quận Q thụ lý ngày 13/3/2019, theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Các trường hợp khác không phải nộp tạm ứng án phí, án phí mà pháp luật có quy định”.

Do vậy, đối chiếu với các quy định nêu trên thì Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phải bồi thường cho bà Trần Thị T thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút số tiền 7.179.062 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) và thiệt hại do tổn thất về tinh thần số tiền là 221.535.017 đồng (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 228.714.079 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười bốn ngàn không trăm bảy mươi chín đồng).

Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q theo đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị đơn Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.
- Bị đơn Viện kiểm sát nhân dân Quận Y không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 31, 45, 46, 47, 51 và 64 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009;

Căn cứ vào Điều 76, 78 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

Căn cứ các Điều 7, 10, 19 của Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BQP-BTC- BNN & PTNN ngày 02/11/2012;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2022/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

5.1. Buộc Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho bà Trần Thị T thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút số tiền 7.179.062 đồng (bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn không trăm sáu mươi hai đồng) và thiệt hại do tổn thất về tinh thần số tiền là 221.535.017 đồng (hai trăm hai mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 228.714.079 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười bốn ngàn không trăm bảy mươi chín đồng).

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5.2. Buộc Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh phải tổ chức xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của bà Trần Thị T và đăng trên một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương trong ba số liên tiếp.

6. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Trần Thị T.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị T về việc yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường chi phí khám chữa bệnh số tiền là 1.350.000 đồng, chi phí thuê người chăm sóc bà T số tiền là 437.508.000 đồng và yêu cầu hủy bỏ nội dung nhận định sai về nguồn gốc đất đối với nền nhà 51 đường số 8, Phường S, Quận Y theo Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số: 19/KSĐT ngày 21/10/2005 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị T phải chịu chi phí thẩm định giá số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà T đã nộp đủ theo phiếu thu số 0002849 ngày 16/01/2020 của Công ty Cổ phần Định giá và Đầu tư Kinh doanh bất động sản V.

9. Về án phí:

9.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

9.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho Viện kiểm sát nhân dân Quận Y theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008020 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương